

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Hán Nôm, mã số ngành: 8220104

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Hán Nôm ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng khoa Văn học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

NGÀNH: HÁN NÔM

MÃ SỐ: 8220104

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2907/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Hán Nôm

+ Tên tiếng Anh: Sino - Nom

- Mã số ngành đào tạo: 8220104

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 02 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Hán Nôm

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Sino - Nom

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ Hán Nôm có định hướng nghiên cứu, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở bậc thạc sĩ, có thể thực hiện được các nhiệm vụ của công tác Hán Nôm như: sưu tầm, minh giải văn bản Hán Nôm; khai thác các giá trị văn hiến và văn hóa dân tộc lưu giữ và phản ánh trong di sản Hán Nôm, góp phần phục vụ cho công cuộc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc, đảm bảo cho sự liên tục về văn hóa giữa truyền thống và hiện đại.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao ở bậc thạc sĩ về chuyên môn Hán Nôm có:

- Kiến thức Hán Nôm mang tính cơ bản, hệ thống về văn bản Hán Nôm cũng như về văn hóa và lý thuyết chuyên môn;

- Khả năng minh giải, phân tích, khai thác các giá trị chứa đựng trong các loại hình văn bản Hán Nôm; năng lực truyền đạt, thảo luận tri thức chuyên môn và tổ chức các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến chuyên môn Hán Nôm;

- Trân trọng các giá trị truyền thống; làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm; có thái độ liêm chính học thuật và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.2. Đối tượng tuyển sinh:

3.2.1 Yêu cầu về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp từ loại Khá trở lên hoặc có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức, cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển.

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu của chương trình đào tạo từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- + Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực

ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận.

3.2.3. Yêu cầu khác

- + Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- + Có đủ sức khoẻ để học tập.
- + Đáp ứng các yêu cầu khác của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- + Ngành phù hợp 1: Hán Nôm.
- + Ngành phù hợp 2: Ngôn ngữ Trung Quốc, Trung Quốc học, Sư phạm tiếng Trung Quốc.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Văn tự học Hán Nôm	2
2	Ngữ pháp văn ngôn	3
3	Tứ thư 1 (<i>Luận ngữ - Mạnh Tử</i>)	3
4	Tứ thư 2 (<i>Đại học - Trung dung</i>)	2
5	Ngũ kinh 1 (<i>Thi - Thư</i>)	3
6	Ngũ kinh 2 (<i>Lễ - Dịch - Xuân Thu Tả truyện</i>)	4
7	Hán văn Việt Nam thế kỷ X – XX	4
8	Chữ Nôm	4
Tổng số:		25

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Theo chỉ tiêu được Đại học Quốc gia Hà Nội cấp hàng năm (dự kiến 10 học viên/năm).

Kế hoạch tuyển sinh chi tiết thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của Đại học Quốc gia Hà Nội và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- **PLO 1:** Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

- **PLO 2:** Vận dụng được tri thức liên ngành về ngữ văn học, văn hóa, tư tưởng... vào học tập và nghiên cứu chuyên môn Hán Nôm.

- **PLO 3:** Minh giải được văn bản Hán Nôm trên các phương diện: ngôn ngữ và văn tự; nội dung và hình thức trên cơ sở giải quyết được các vấn đề về mặt văn bản học của văn bản.

- **PLO 4:** Phân tích được các vấn đề về văn bản, nội dung chủ yếu của Hán văn Trung Quốc (kinh điển Nho học, Phật Đạo; Bách gia chư tử...) thông qua nghiên cứu văn bản, trích đoạn nguyên điển mang tính chủ điểm, chủ đề, phản ánh các mối liên hệ giữa văn bản đó với các vấn đề về lịch sử và văn hóa.

- **PLO 5:** Phân tích được diễn trình, đặc điểm của Hán văn Việt Nam qua các thời kỳ.

- **PLO 6:** Hệ thống hóa được kiến thức cơ bản về chữ Nôm, văn bản Nôm trong mối liên hệ với các giai đoạn phát triển của tiếng Việt về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong lịch sử.

1.3. Nghiên cứu khoa học

- **PLO 7:** Xác định được các tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn, các trường phái trong khoa học xã hội và nhân văn; hình thành tổng quan vấn đề nghiên cứu và xác định được các phương pháp xây dựng đề cương vấn đề nghiên cứu.

1.4. Yêu cầu đối với luận văn

- Luận văn phải có ý tưởng khoa học qua việc xác định đề tài nghiên cứu;
- Luận văn phải thể hiện và kiểm chứng được năng lực đọc và giải mã văn bản Hán Nôm của học viên về phương diện ngôn ngữ văn tự;
- Luận văn phải thể hiện và kiểm chứng được năng lực phân tích văn bản của học

viên về mặt văn bản học cũng như năng lực phân tích và khai thác các giá trị lưu giữ trong văn bản về phương diện nội dung và hình thức. Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập;

- Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh;

- Kết quả luận văn phải có đóng góp về lý luận, học thuật chuyên môn Hán Nôm; có giá trị nhằm thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của công tác nghiên cứu Hán Nôm là nghiên cứu khai thác các giá trị văn hiến và văn hóa đang lưu giữ trong di sản Hán Nôm, phục vụ cho công cuộc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

- **PLO 8:** Phiên, dịch, chú và khai thác được nguyên điển Hán Nôm.
- **PLO 9:** Áp dụng được các phương pháp và thao tác nghiên cứu, phân tích về mặt văn bản học Hán Nôm; các phương pháp và thao tác khai thác những yếu tố về mặt ngôn ngữ văn tự tạo nên văn bản Hán Nôm (Hán Nôm nội tại) cũng như những yếu tố thuộc các bình diện lịch sử, xã hội, văn hiến và văn hóa của văn bản được lưu giữ và phản ánh bằng ngôn ngữ và văn tự ấy (Hán Nôm ngoại tại).
- **PLO 10:** Truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học (giảng dạy, thuyết trình, trình bày nghiên cứu, thực hiện đề tài/dự án khoa học có liên quan đến chuyên môn Hán Nôm...).
- **PLO 11:** Tổ chức các hoạt động nghề nghiệp có liên quan đến chuyên môn Hán Nôm (tọa đàm, hội thảo, sự kiện...).

2.2. Kỹ năng bổ trợ

- **PLO 12:** Xác định được các định hướng nghiên cứu; có khả năng dân vận trong công tác sưu tầm di sản Hán Nôm trong dân gian.
- **PLO 13:** Tổ chức nhóm và làm việc theo nhóm trong triển khai các hoạt động về chuyên môn.
- **PLO 14:** Quản lý thời gian, phân bổ công việc, sử dụng công nghệ thông tin

trong hoạt động chuyên môn và nghề nghiệp.

- **PLO 15:** Năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

- **PLO 16:** Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng và các kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn Hán Nôm.

- **PLO 17:** Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác về chuyên môn Hán Nôm.

- **PLO 18:** Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

- **PLO 19:** Trân trọng các giá trị truyền thống; tinh thần làm việc có trách nhiệm, hợp tác và tôn trọng tính đa dạng, sự khác biệt; có thái độ liêm chính khoa học và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Làm công tác nghiên cứu và giảng dạy Hán Nôm và ngữ văn trong các Viện nghiên cứu, các trường đại học và cao đẳng, các trường trung học chuyên nghiệp và phổ thông.

- Làm công tác chuyên môn trong các cơ quan quản lý và nghiệp vụ văn hóa, trong các tổ chức kinh tế - xã hội.

- Làm công tác trong các cơ quan truyền thông, báo chí, thông tấn, xuất bản ở trung ương và địa phương.

- Làm công tác chuyên môn trong các cơ quan lưu trữ, thư viện, bảo tồn bảo tàng, phiên dịch, thuyết minh văn bản Hán Nôm cổ, tư vấn trùng tu tôn tạo di tích lịch sử và văn hóa.

- Làm công tác hướng dẫn du lịch và các hoạt động văn hóa khác...

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, thạc sĩ Hán Nôm có khả năng trực tiếp tham gia các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn; có thể tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **69** tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: **09** tín chỉ

- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **35** tín chỉ
 - + Bắt buộc: 17 tín chỉ
 - + Tự chọn: 18 tín chỉ/36 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học: **25** tín chỉ
 - + Chuyên đề nghiên cứu: 12 tín chỉ
 - + Luận văn thạc sĩ: 13 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	Ngoại ngữ* (chọn một trong các ngoại ngữ sau)		5				
	CHI5001	Tiếng Trung Quốc B2 <i>Chinese B2</i>	5	250	0	0	
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	250	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		35				
II.1	Các học phần bắt buộc		17				
3	SIN6034	Phương pháp tiếp cận ngữ văn Hán Nôm <i>Philological Approach to Sino-Nom Studies</i>	2	30	0	70	
4	SIN6036	Chữ Nôm và một số vấn đề về lịch sử tiếng Việt <i>Nom Script and Some Issues of the History of Vietnamese Language</i>	2	30	0	70	
5	SIN6059	Luận ngữ và Luận ngữ học <i>Lunyu (The Analects) and Lunyu Studies</i>	2	30	0	70	
6	SIN6060	Kinh Thi và tiếp nhận Thi học tại Việt Nam <i>Shijing (The Classic of Poetry) and the Reception of Shijing in Vietnam</i>	2	30	0	70	
7	SIN6061	Kinh Thư và chính trị học Nho gia <i>Shujing (The Classic of Documents) and Confucian Politics</i>	2	30	0	70	

* Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ B2 được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
8	SIN6063	Hán văn Việt Nam <i>Vietnam's Chinese Writings</i>	4	60	0	140	
9	SIN6071	Thê tài văn bản Hán Nôm <i>Genres in Sino-Nom Texts</i>	3	45	0	105	
II.2	Các học phần tự chọn		18/36				
10	SIN6072	Lịch sử văn hoá Việt Nam <i>A History of Vietnamese Culture</i>	3	45	0	105	
11	SIN6067	Lịch sử tư tưởng phương Đông <i>Eastern History of Thoughts</i>	3	45	0	105	
12	SIN6073	Văn bản học Hán Nôm (II) <i>Textology for Sino-Nom Studies (II)</i>	3	45	0	105	
13	SIN6074	Chê độ khoa cử và văn chương khoa cử Việt Nam <i>Vietnam's Imperial Civil Service Examination System and It's Literature</i>	3	45	0	105	
14	SIN6075	Mạnh Tử và Mạnh học <i>Mengzi (The Mencius) and Mengzi Studies</i>	3	45	0	105	
15	SIN6076	Kinh Lễ <i>The Classic of Rites</i>	3	45	0	105	
16	SIN6077	Kinh Dịch <i>Yijing (The Classic of Changes)</i>	3	45	0	105	
17	SIN6078	Kinh Xuân Thu và sử học Nho gia <i>Chunqiuqing (Spring and Autumn Annals) and Confucian Historical Studies</i>	3	45	0	105	
18	SIN6068	Bách gia chư tử <i>Zhuqi Baijia (Chinese Ancient Philosophic Masters)</i>	3	45	0	105	
19	SIN6069	Kinh điển Phật - Đạo <i>The Classics of Buddhism and Daoism</i>	3	45	0	105	
20	SIN6070	Lý luận văn học cổ phương Đông <i>Eastern Ancient Literary Theory</i>	3	45	0	105	
21	SIN6006	Minh văn học và văn bản minh văn Việt Nam <i>Epigraphy and the Vietnamese Inscription</i>	3	45	0	105	
III	Nghiên cứu khoa học		25				
III.1	Chuyên đề nghiên cứu		12				
22	SSH6001	Các tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Approaches and Research</i>	4	30	15	155	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>methods of Social Sciences and Humanities</i>					
23	SSH6002	Các trường phái trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Schools in Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	
24	SIN6079	Phương pháp xây dựng tổng quan và đề cương nghiên cứu <i>Method for Developing an Overview Issue and Research Proposal</i>	4	15	0	185	
III.2	Luận văn thạc sĩ		13				
25	SIN7202	Luận văn thạc sĩ <i>Master Thesis</i>	13	0	0	650	
Tổng cộng			69				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lý thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá